

Quy Nhơn, Ngày 08 tháng 3 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3, Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định

- Mã chứng khoán: BDB
- Địa chỉ: 219 Nguyễn Lữ - P. Ngô Mây – TP. Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
- Điện thoại liên hệ: 0256 3522645 – 0256 3522453 – Fax: 0256 3522853
- Email: [sachthietbibd@gmail.com](mailto:sachthietbibd@gmail.com) Website: [sachthietbibinhdinh.com.vn](http://sachthietbibinhdinh.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024 – BCTC riêng.
- Giải trình chênh lệch LNST so với cùng kỳ

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/3/2025 tại đường dẫn: [sachthietbibinhdinh.com.vn](http://sachthietbibinhdinh.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu CBTT, VP.



Đại diện tổ chức

Phạm Đình Thuận

\* Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024
- Giải trình chênh lệch LNST





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

*Thành viên độc lập của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ  
THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28/02/2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3503000141 ngày 02/07/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã 9 lần điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/11/2022), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngày 25/12/2009, Công ty đã niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là BDB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là 29/01/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 11.264.740.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40,17%.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2024: 11.264.740.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 219 Nguyễn Lữ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Điện thoại: (84) 0256.3522453
- Fax: (84) 0256.3522853
- Email: bidisabico@vnn.vn
- Website: www.sachthietbibinhdinhh.com.vn

### Lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp

- Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dung nội thất tương tự;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
  - Mua bán bao bì các loại;
  - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật);

### Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 32 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Hội đồng quản trị

• Ông Hồ Phú Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 04/04/2022
• Ông Phạm Đình Thuần	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 04/04/2022
• Ông Huỳnh Thanh Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/04/2022
• Ông Hoàng Quốc Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2023
• Ông Huỳnh Hoàng Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2023

### Ban kiểm soát

• Ông Đặng Công Đức	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04/04/2022
• Ông Hồ Ngưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/04/2022
• Ông Trần Hữu Duy Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/04/2022

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Phạm Đình Thuần	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 04/04/2022
• Ông Nguyễn Quốc Quân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/06/2023
• Bà Đoàn Thị Lệ Kiều	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14/09/2023

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc  
Giám đốc



Phạm Đình Thuận

Quy Nhơn, ngày 06 tháng 03 năm 2024





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 183/2025/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 06/03/2025 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Thái Thị Ánh Nhung – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3313-2025-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Lầu 2, số 132 - 134 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.506.975.167</b>	<b>15.307.826.225</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>640.979.395</b>	<b>705.533.145</b>
1. Tiền	111	5	640.979.395	705.533.145
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.778.752.104</b>	<b>2.408.987.700</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.786.800.397	2.280.187.203
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.984.320	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	37.342.299	177.771.409
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(47.374.912)	(48.970.912)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>18.036.302.116</b>	<b>12.141.259.188</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.112.152.353	12.312.577.934
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(75.850.237)	(171.318.746)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>50.941.552</b>	<b>52.046.192</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	31.357.791	30.501.583
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	19.583.761	21.544.609
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.056.571.888</b>	<b>4.354.136.487</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.843.317.872</b>	<b>4.048.071.388</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	935.844.425	1.059.868.337
- Nguyên giá	222		6.317.629.279	6.317.629.279
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.381.784.854)	(5.257.760.942)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.907.473.447	2.988.203.051
- Nguyên giá	228		4.038.215.400	4.038.215.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.130.741.953)	(1.050.012.349)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>213.254.016</b>	<b>306.065.099</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	213.254.016	306.065.099
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>25.563.547.055</b>	<b>19.661.962.712</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.105.139.534</b>	<b>5.917.817.064</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.080.139.534</b>	<b>5.917.817.064</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	7.468.598.693	996.209.586
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	71.064.606	144.618.358
3. Phải trả người lao động	314		3.718.458	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.889.759	3.901.947
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	59.690.910	99.190.909
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16.a	224.122.321	284.975.334
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	4.240.000.000	4.282.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.054.787	106.920.930
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	16.b	25.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.458.407.521</b>	<b>13.744.145.648</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>13.458.407.521</b>	<b>13.744.145.648</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.264.740.000	11.264.740.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	1.065.008.599	1.017.853.344
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	1.128.658.922	1.461.552.304
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		447.200.492	518.447.197
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		681.458.430	943.105.107
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>25.563.547.055</b>	<b>19.661.962.712</b>



Giám đốc

Phạm Đình Thuận

Quy Nhơn, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Lệ Kiều

Người lập biểu

Đoàn Thị Lệ Kiều

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	69.071.068.533	64.475.719.262
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	11.901.090	14.854.060
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		69.059.167.443	64.460.865.202
4. Giá vốn hàng bán	11	23	62.949.509.706	57.951.321.574
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>6.109.657.737</b>	<b>6.509.543.628</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	59.042.875	81.803.264
7. Chi phí tài chính	22	25	152.775.793	395.784.894
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		152.775.793	395.784.894
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	2.931.662.105	2.631.144.289
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	2.323.738.337	2.477.429.861
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>760.524.377</b>	<b>1.086.987.848</b>
11. Thu nhập khác	31	27	173.564.798	166.168.939
12. Chi phí khác	32	28	47.386.613	48.100.769
13. Lợi nhuận khác	40		<b>126.178.185</b>	<b>118.068.170</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>886.702.562</b>	<b>1.205.056.018</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	205.244.132	261.950.911
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>681.458.430</b>	<b>943.105.107</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	605	779
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	605	779



Giám đốc

Phạm Đình Thuận

Quy Nhơn, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Lệ Kiều

Người lập biểu

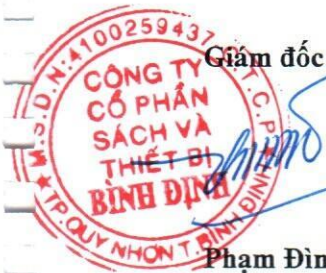
Đoàn Thị Lệ Kiều



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		68.538.785.174	64.538.275.297
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(63.375.064.615)	(60.357.873.745)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.632.934.303)	(3.057.538.179)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	25	(152.787.981)	(395.656.453)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	14	(217.991.642)	(310.473.514)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.891.393.808	2.293.552.710
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.187.406.356)	(1.919.997.823)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>863.994.085</b>	<b>790.288.293</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	13.035.365	10.795.171
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>13.035.365</b>	<b>10.795.171</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	17	25.409.740.228	53.844.887.066
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(25.451.740.228)	(53.562.887.066)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	16,18	(899.583.200)	(1.131.746.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(941.583.200)</b>	<b>(849.746.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(64.553.750)</b>	<b>(48.663.036)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	705.533.145	754.196.181
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>640.979.395</b>	<b>705.533.145</b>



Giám đốc

Phạm Đình Thuận

Quy Nhơn, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Lệ Kiều

Người lập biểu

Đoàn Thị Lệ Kiều



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28/02/2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3503000141 ngày 02/07/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã điều chỉnh 9 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/11/2022), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em; Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa; mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề và thiết bị văn phòng; Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
- Mua bán bao bì các loại;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;  
(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện và giấy phép theo quy định của pháp luật);

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng hàng tồn kho tại các cửa hàng sách tính theo phương pháp giá bán lẻ.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.4 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Phương tiện vận tải	8 - 10

### 4.5 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có được quyền sử dụng đất hợp pháp.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính.

Thời gian khấu hao TSCĐ vô hình tại công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	Hết khấu hao

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.7 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.8 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.9 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

### **4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị đồ dùng dạy học, từ điển: Áp dụng thuế suất là 5%;
- ✓ Các mặt hàng khác như văn phòng phẩm, lịch, thiết bị....áp dụng mức thuế suất 10%. Năm 2024, Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% đối với các mặt hàng này theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	113.413.731	259.468.774
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	527.565.664	446.064.371
Cộng	640.979.395	705.533.145

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Trần Thị Thảng	230.500.456	230.307.000
Trần Thị Thủy	131.600.561	131.217.561
Lê Thị Bích Triều	177.195.000	121.125.070
Các đối tượng khác	2.247.504.380	1.797.537.572
Cộng	2.786.800.397	2.280.187.203

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế TNCN phải thu NLĐ	19.133.302	-	45.825.834	-
Phải thu khác	18.208.997	-	131.945.575	-
Cộng	37.342.299	-	177.771.409	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	Năm 2024	Năm 2023
Số dư đầu kỳ	48.970.912	78.743.881
Trích lập trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	1.596.000	29.772.969
Số dư cuối kỳ	47.374.912	48.970.912

b. Nợ xấu

	31/12/2024			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	47.374.912	-		
- Nguyễn Thị Liễu	47.374.912	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	47.374.912	-		

	01/01/2024			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng	48.970.912	-		
- Nguyễn Thị Liễu	48.970.912	-	Trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
Cộng	48.970.912	-		

9. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	279.692.988		82.590.635	-
Công cụ, dụng cụ	2.487.716	-	4.650.726	-
Thành phẩm	34.160.742	-	29.085.698	-
Hàng hóa	17.795.810.907	(75.850.237)	12.196.250.875	(171.318.746)
Cộng	18.112.152.353	(75.850.237)	12.312.577.934	(171.318.746)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024 là 75.850.237 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch giảm giá thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2024.

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí bảo hiểm	30.365.541	29.577.583
Chi phí trả trước khác	992.250	924.000
<b>Cộng</b>	<b>31.357.791</b>	<b>30.501.583</b>

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	119.848.232	113.071.251
Chi phí sửa chữa văn phòng	93.148.410	191.680.162
Các khoản khác	257.374	1.313.686
<b>Cộng</b>	<b>213.254.016</b>	<b>306.065.099</b>

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	5.165.510.188	1.152.119.091	6.317.629.279
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.165.510.188</b>	<b>1.152.119.091</b>	<b>6.317.629.279</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	4.442.605.940	815.155.002	5.257.760.942
Khấu hao trong kỳ	49.143.000	74.880.912	124.023.912
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.491.748.940</b>	<b>890.035.914</b>	<b>5.381.784.854</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	722.904.248	336.964.089	1.059.868.337
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>673.761.248</b>	<b>262.083.177</b>	<b>935.844.425</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024 là 0 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 4.441.081.901 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2024.

**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	3.988.215.400	50.000.000	4.038.215.400
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.988.215.400</b>	<b>50.000.000</b>	<b>4.038.215.400</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	1.000.012.349	50.000.000	1.050.012.349
Khấu hao trong kỳ	80.729.604	-	80.729.604
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.080.741.953</b>	<b>50.000.000</b>	<b>1.130.741.953</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	2.988.203.051	-	2.988.203.051
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.907.473.447</b>	<b>-</b>	<b>2.907.473.447</b>

- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách An Nhơn có nguyên giá 187.048.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 08/03/2050.
- Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Hoài Nhơn có nguyên giá 112.815.400 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 28/03/2051.
- Quyền sử dụng đất tại 414 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định có nguyên giá 3.688.352.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 23/12/2061.
- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024 là 2.729.380.519 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 50.000.000 đồng.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	4.956.277.938	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	1.541.960.000	227.518.000
Các đối tượng khác	970.360.755	768.691.586
<b>Cộng</b>	<b>7.468.598.693</b>	<b>996.209.586</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng Công ty đầu tư	292.454.775	17.492.345
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung Chung Công ty đầu tư	4.956.277.938	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng Chung Công ty đầu tư	1.541.960.000	227.518.000
<b>Cộng</b>	<b>6.790.692.713</b>	<b>245.010.345</b>

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	93.504.425	215.288.252	276.094.494	-	32.698.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	51.113.933	205.244.132	217.991.642	-	38.366.423
Thuế thu nhập cá nhân	21.544.609	-	17.236.888	15.276.040	19.583.761	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	433.003.519	433.003.519	-	-
Thuế môn bài	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.544.609</b>	<b>144.618.358</b>	<b>882.772.791</b>	<b>954.365.695</b>	<b>19.583.761</b>	<b>71.064.606</b>

### 15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Doanh thu cho thuê tài sản nhận trước	59.690.910	99.190.909
<b>Cộng</b>	<b>59.690.910</b>	<b>99.190.909</b>

### 16. Phải trả khác ngắn hạn

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	10.007.340	9.241.996
Nhận ký cược, ký quỹ	96.000.000	186.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	118.114.981	89.733.338
- Cổ tức phải trả	4.467.750	2.871.750
- Phải trả khác	113.647.231	86.861.588
<b>Cộng</b>	<b>224.122.321</b>	<b>284.975.334</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Dài hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	25.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>25.000.000</b>	<b>-</b>

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Định)	4.282.000.000	25.409.740.228	25.451.740.228	4.240.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.282.000.000</b>	<b>25.409.740.228</b>	<b>25.451.740.228</b>	<b>4.240.000.000</b>

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	11.264.740.000	948.112.707	1.913.259.931	14.126.112.638
Tăng trong kỳ	-	69.740.637	943.105.107	1.012.845.744
Giảm trong kỳ	-	-	1.394.812.734	1.394.812.734
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>11.264.740.000</b>	<b>1.017.853.344</b>	<b>1.461.552.304</b>	<b>13.744.145.648</b>
Số dư tại 01/01/2024	11.264.740.000	1.017.853.344	1.461.552.304	13.744.145.648
Tăng trong kỳ	-	47.155.255	681.458.430	728.613.685
Giảm trong kỳ	-	-	1.014.351.812	1.014.351.812
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>11.264.740.000</b>	<b>1.065.008.599</b>	<b>1.128.658.922</b>	<b>13.458.407.521</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.525.230.000	4.525.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.739.510.000	6.739.510.000
<b>Cộng</b>	<b>11.264.740.000</b>	<b>11.264.740.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.126.474	1.126.474
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu phổ thông	1.126.474	1.126.474
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận**

	Năm 2024	Năm 2023
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	11.264.740.000	11.264.740.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.264.740.000	11.264.740.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	901.179.200	1.126.474.000

**e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.461.552.304	1.913.259.931
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	681.458.430	943.105.107
Phân phối lợi nhuận	1.014.351.812	1.394.812.734
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.014.351.812	1.394.812.734
+ Trả cổ tức cho các cổ đông	901.179.200	1.126.474.000
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	47.155.255	69.740.637
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	66.017.357	100.961.206
+ Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	97.636.891
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>1.128.658.922</b>	<b>1.461.552.304</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 28/03/2024.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 28/03/2024 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 8% vốn điều lệ (tương ứng 901.179.200 đồng). Theo đó, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2024.

19. Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ Nhà nước là giá trị còn lại của các tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp, số tiền 8.252.589 đồng; trong đó, giá trị còn lại của gian cuối nhà làm việc tầng 3, số 120 Lê Lợi là 3.985.929 đồng và giá trị còn lại của cửa hàng Vân Canh là 4.266.660 đồng.

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Nguyễn Thị Diệu	27.777.969	Nợ không có khả năng thu hồi

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán sách	52.542.308.827	46.247.824.351
Doanh thu thiết bị giáo dục	14.816.426.486	16.552.533.487
Doanh thu khác	1.712.333.220	1.675.361.424
Cộng	69.071.068.533	64.475.719.262

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Hàng bán bị trả lại	11.901.090	14.854.060
Cộng	11.901.090	14.854.060

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn bán sách	49.049.798.538	42.351.231.676
Giá vốn thiết bị giáo dục	13.669.987.272	15.267.914.828
Giá vốn khác	325.192.405	334.931.806
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.468.509)	(2.756.736)
Cộng	62.949.509.706	57.951.321.574

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.035.365	10.795.171
Chiết khấu thanh toán	46.007.510	71.008.093
<b>Cộng</b>	<b>59.042.875</b>	<b>81.803.264</b>

### 25. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	152.775.793	395.784.894
<b>Cộng</b>	<b>152.775.793</b>	<b>395.784.894</b>

### 26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công	2.221.144.517	1.884.316.836
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	127.773.948	162.971.106
Các khoản khác	582.743.640	583.856.347
<b>Cộng</b>	<b>2.931.662.105</b>	<b>2.631.144.289</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công	1.120.948.319	1.036.770.375
Chi phí thuê đất	324.076.601	334.080.232
Các khoản khác	878.713.417	1.106.579.254
<b>Cộng</b>	<b>2.323.738.337</b>	<b>2.477.429.861</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 27. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Xử lý kiểm kê hàng thừa	74.168.009	-
Thưởng doanh số bán hàng	49.680.000	-
Các khoản thu nhập khác	49.716.789	166.168.939
<b>Cộng</b>	<b>173.564.798</b>	<b>166.168.939</b>

### 28. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Phí quản lý niêm yết, phí chốt quyền	18.500.000	18.500.000
Chi phí khác	28.886.613	29.600.769
<b>Cộng</b>	<b>47.386.613</b>	<b>48.100.769</b>

### 29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	886.702.562	1.205.056.018
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	107.535.644	104.698.535
- Điều chỉnh tăng	107.535.644	104.698.535
+ Chi phí niêm yết, phí chốt quyền	18.500.000	18.500.000
+ Các khoản chi phí không được trừ	89.035.644	86.198.535
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	994.238.206	1.309.754.553
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>205.244.132</b>	<b>261.950.911</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	198.847.641	261.950.911
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	6.396.491	-

### 30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	681.458.430	943.105.107
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(66.017.357)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	66.017.357
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	681.458.430	877.087.750
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.126.474	1.126.474
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>605</b>	<b>779</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” năm 2024 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể. Do đó, số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông sau này.

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” năm 2023 được trình bày lại căn cứ vào số liệu phân phối lợi nhuận được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 28/03/2024.

### 31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	104.507.232	140.337.410
Chi phí nhân công	3.345.354.836	2.924.667.211
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.753.516	224.067.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	972.806.528	501.180.567
Chi phí khác bằng tiền	955.989.398	1.684.577.207
<b>Cộng</b>	<b>5.583.411.510</b>	<b>5.474.829.741</b>

### 32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là mua bán sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

### 33. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này,



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty chủ yếu mua sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Tuy nhiên, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động, các hàng hóa thường tiêu thụ trong thời gian ngắn kể từ khi mua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các phòng giáo dục, các trường học trong Tỉnh Bình Định, các đại lý sách, các cửa hàng sách và bán lẻ sách tại các quầy. Với đặc thù chủ yếu là khách hàng thường xuyên và giao dịch với Công ty trong nhiều năm, tình hình thanh toán tiền hàng kịp thời, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng. Mặt khác, đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	7.468.598.693	-	7.468.598.693
Chi phí phải trả	3.889.759	-	3.889.759
Vay và nợ thuê tài chính	4.240.000.000	-	4.240.000.000
Phải trả khác	214.114.981	25.000.000	239.114.981
<b>Cộng</b>	<b>11.926.603.433</b>	<b>25.000.000</b>	<b>11.951.603.433</b>
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	996.209.586	-	996.209.586
Chi phí phải trả	3.901.947	-	3.901.947
Vay và nợ thuê tài chính	4.282.000.000	-	4.282.000.000
Phải trả khác	275.733.338	-	275.733.338
<b>Cộng</b>	<b>5.557.844.871</b>	<b>-</b>	<b>5.557.844.871</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	640.979.395	-	640.979.395
Phải thu khách hàng	2.739.425.485	-	2.739.425.485
Phải thu khác	37.342.299	-	37.342.299
Cộng	3.417.747.179	-	3.417.747.179
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	705.533.145	-	705.533.145
Phải thu khách hàng	2.231.216.291	-	2.231.216.291
Phải thu khác	177.771.409	-	177.771.409
Cộng	3.114.520.845	-	3.114.520.845

**34. Thông tin về các bên liên quan**

**a. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan**

	Giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua hàng	9.162.003.314	7.507.052.070
	Bán hàng	1.038.729.275	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Mua hàng	30.354.975.698	23.147.160.796
	Bán hàng	1.999.909.950	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua hàng	2.391.960.000	1.308.200.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

		Năm 2024	Năm 2023
<b>Thù lao của Hội đồng quản trị</b>		<b>75.294.118</b>	<b>51.778.319</b>
Ông Hồ Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	18.823.529	12.944.580
Ông Phạm Đình Thuận	Thành viên	16.941.176	11.650.123
Ông Huỳnh Thanh Long	Thành viên	13.176.471	9.061.206
Ông Hoàng Quốc Hiệp	Thành viên	13.176.471	6.795.904
Ông Huỳnh Hoàng Phương	Thành viên	13.176.471	6.795.904
Bà Diệp Cẩm Nhung	Thành viên	-	2.265.301
Ông Nguyễn Duy Nhâm	Thành viên	-	2.265.301
<b>Thu nhập của Ban kiểm soát</b>		<b>20.705.882</b>	<b>14.239.038</b>
Ông Đặng Công Đức	Trưởng ban	9.411.764	6.472.290
Ông Hồ Ngưng	Thành viên	5.647.059	3.883.374
Ông Trần Hữu Duy Trung	Thành viên	5.647.059	3.883.374
<b>Lương và thưởng của Ban Giám đốc</b>			
Ông Phạm Đình Thuận	Giám đốc	268.124.686	310.530.437
Ông Nguyễn Quốc Quân	Phó Giám đốc	185.377.470	195.857.296
Bà Đoàn Thị Lệ Kiều	Kế toán trưởng	194.624.870	145.592.741

**35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty đã thông báo chốt danh sách cổ đông được tạm ứng cổ tức năm 2024 (tỷ lệ 5%) vào ngày 28/02/2025 dự kiến chi trả vào ngày 27/06/2025.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**36. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc

Phạm Đình Thuận

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Lệ Kiều

Người lập biểu

Đoàn Thị Lệ Kiều

Quy Nhơn, ngày 06 tháng 03 năm 2025